TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAM RANH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Nữ Thanh Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 theo thủ tục rút gọn về việc tranh chấp *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1985
Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Phú Trung, phường Cam Phú, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà
Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh K (Có mặt).
2. Bị đơn: Ông Phan Thế V, sinh năm: 1982
Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/ 2023, bản tự khai ngày 17/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Phan Thế V tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2003, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 20/8/2007.

Quá trình chung sống bình thường, đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông V nghi ngờ bà không chung thủy nên vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau. Bà đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án để ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đầu

tháng 3/2023 bà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phan Thế V.

Về con chung: Bà và ông Phan Thế V có 03 con chung là Phan Vũ T, sinh ngày: 05/8/2004; Phan Tiến T, sinh ngày: 06/01/2013; Phan Trịnh Kim N, sinh ngày: 03/5/2017. Cháu Tđã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung là Phan Tiến T, sinh ngày: 06/01/2013; Phan Trịnh Kim N, sinh ngày: 03/5/2017 và yêu cầu ông Phan Thế V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Bình quân mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) đến khi cháu T và N lần lượt đủ 18 tuổi. Hiện nay ông V làm nghề lái xe thu nhập bình quân 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/ tháng. Bà D làm nghề buôn bán, thu nhập 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai 17/5/2023, bị đơn ông Phan Thế V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2003 đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 20/8/2007.

Quá trình chung sống vợ chồng sống bình thường đến tháng 3 năm 2023 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc nhau. Từ tháng 3 năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông không đồng ý, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị D có 03 con chung là Phan Vũ T, sinh ngày: 05/8/2004; Phan Tiến T, sinh ngày: 06/01/2013; Phan Trịnh Kim N, sinh ngày: 03/5/2017. Cháu T đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao 02 cháu T và N cho Bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D và ông Phan Thế V được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Phan Tiến T, sinh ngày: 06/01/2013; Phan Trịnh Kim N, sinh ngày: 03/5/2017 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Thế V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Bình quân mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng) đến khi cháu T và N lần lượt đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với ông Phan Thế V nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự phiên toà được xét xử theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị D và ông Phan Thế V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2007, được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 20/8/2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 3 năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau. Nay nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng bị đơn không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, vắng mặt tại phiên tòa thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông, bà.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng Bà D và ông V đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của Bà D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Diệu.

[2.2] Về con chung:

Cháu Phan Vũ T, sinh ngày: 05/8/2004 đã đủ 18 tuổi bà Nguyễn Thị D, ông Phan Thế V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Tiến T, sinh ngày: 06/01/2013; Phan Trịnh Kim N, sinh ngày: 03/5/2017. Ông Phan Thế V yêu cầu giao T và Ncho Bà Dtrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con giao cháu Thành và cháu Nguyệt cho Bà D nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà Diệu.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông Phan Thế V cấp dưỡng nuôi cháu Phan Tiến T và Phan Trịnh Kim N mỗi tháng 3.000.000 đồng (Bình quân mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng) đến khi cháu T và Nlần lượt đủ

18 tuổi. Xét, cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên và căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của con, ông Phan Thế V là người không trực tiếp nuôi con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Diệu.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông Phan Thế V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 316, Điều 317, Điều 320, Điều 322 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Phan Thế V.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Tiến T, sinh ngày: 06/01/2013 và Phan Trịnh Kim N, sinh ngày: 03/5/2017 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Thế V phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu là Phan Tiến T và cháu Phan Trịnh Kim N mỗi tháng 3.000.000 đồng (Bình quân mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T và N lần lượt đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2022/0000551 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Thế V phải nộp 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND TP. Cam Ranh;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND phường Cam Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Vân